

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/5/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Trần Văn Tám;

2/- Ông Chiêm Đặng Thành Duy.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Liễu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 03/2022/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Bích T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Phường A, thành phố T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Lê Minh Đ, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp A, xã P, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Bà T có mặt, ông Đ vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Bích T trình bày:

Vào năm 2002, bà và ông Lê Minh Đ đến Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố T, tỉnh Tiền Giang đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa do ông Đ thường xuyên tập tụ bạn bè để chơi cờ bạc, không chăm lo gia đình mặc dù bà cố gắng khuyên nhủ nhưng ông Đ không thay đổi, ông Đ có tình cảm với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà và ông Đ đã ly thân nhau 05 năm nay.

Bà Phạm Thị Bích T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Minh Đ do thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: bà và ông Đ có 02 con chung tên Lê Phạm Bích N sinh ngày 03/9/2005 và Lê Phạm Ngân Q sinh ngày 13/5/2013. Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn.

- Tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn ông Lê Minh Đ không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bích T và vắng mặt tại phiên hòa giải đoàn tụ.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bà Phạm Thị Bích T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn, ông Lê Minh Đ vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xác định:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự chưa phát hiện vi phạm nên không kiến nghị gì.

+ Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Bích T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ông Lê Minh Đ là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đ.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Giữa bà Phạm Thị Bích T và ông Lê Minh Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, bà Phạm Thị Bích T trình bày nguyên nhân xin ly hôn với ông Lê Minh Đ là do cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông Đ không có hạnh phúc, ông Đ không chăm lo gia đình và có người phụ nữ khác, vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2016 đến nay không hàn gắn được.

Ông Lê Minh Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản phản đối yêu cầu ly hôn của bà T, cũng không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ông Đ không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân giữa ông với bà T, lời trình bày của bà T về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là có căn cứ.

Thấy rằng: tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Phạm Thị Bích T và ông Lê Minh Đ là trầm trọng kéo dài không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Đ là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung:

- Nội dung đơn trình bày nguyện vọng của 02 con chung là cháu Bích N và Ngân Q xác định muốn sống chung với bà Bích T

- Ông Lê Minh Đ không có văn bản thể hiện ý kiến về việc nuôi con chung theo yêu cầu của bà T.

Thấy rằng: yêu cầu nuôi con chung của bà T là phù hợp theo nguyện vọng của con chung, phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con: chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà T.

- Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: bà T chưa yêu cầu ông Đ cấp dưỡng cho con là trên cơ sở tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung:

Bà Phạm Thị Bích T không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí:

Bà Phạm Thị Bích T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận cho bà Phạm Thị Bích T được ly hôn với ông Lê Minh Đ.

2. Con chung:

Giao 02 con chung tên Lê Phạm Bích N sinh ngày 03/9/2005 và Lê Phạm Ngân Q sinh ngày 13/5/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận bà T chưa yêu cầu ông Đ cấp dưỡng cho con.

Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Án phí:

Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002225 ngày 05/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên bà T không phải nộp tiếp tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo:

Bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Ông Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- Các đương sự;
- UBND Phường A, TP T;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Hồ Thị Ánh Tuyết